

Bản tin Phân tích kỹ thuật

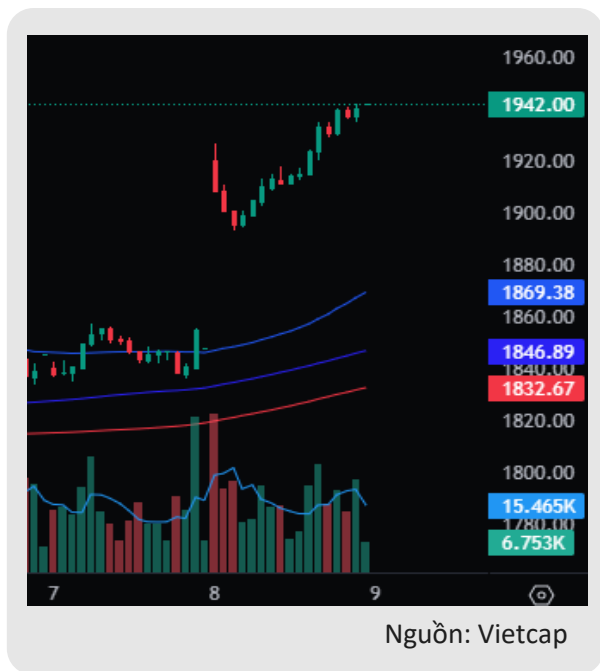
08/04/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G4000 đóng cửa quanh mức cao nhất ngày, đà tăng không bị thu hẹp, củng cố khả năng tiếp tục tăng điểm trong phiên 09/04. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua với mục tiêu là vùng 1.966 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.926 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.937 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.966 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.926 điểm

Quan điểm kỹ thuật



- Về hoạt động giao dịch, lực mua gia tăng trên phần lớn các nhóm ngành, ngoại trừ nhóm Bảo hiểm. Đà tăng trong phiên của VN-Index được hỗ trợ bởi hoạt động mua dàn trải và duy trì ổn định đến cuối ngày. Đáng chú ý, không ghi nhận áp lực bán giá cao bất thường trên các nhóm ngành dẫn dắt.
- Về mặt kỹ thuật, nhiều cổ phiếu Ngân hàng, Bất động sản và Chứng khoán thiết lập tín hiệu hồi phục/tăng giá. Hiện tại, tỷ trọng cổ phiếu có tín hiệu giảm lần lượt chỉ còn 0%, 23% và 8% ở các nhóm ngành này, giảm mạnh so với mức 55%, 48% và 25% tại phiên 07/04.
- Sự cải thiện diện rộng về tín hiệu kỹ thuật, cùng với lực cầu hỗ trợ tích cực, đang củng cố xác suất tiếp tục tăng giá của VN-Index trong thời gian tới, với mục tiêu gần tại vùng 1.800–1.810 điểm. Các nhịp rung lắc do lực bán ngắn hạn, nếu xuất hiện, sẽ tạo điều kiện để mở mới vị thế mua với vùng giải ngân phù hợp quanh 1.720–1.740 điểm.
- Trong bối cảnh hiện tại, nhà đầu tư có thể cân nhắc mở mới các vị thế ngắn hạn theo hướng chọn lọc, ưu tiên nhóm Bất động sản, Chứng khoán và Ngân hàng.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	153,400	6.97%	8.79%	1,182,105	16.851	1,468	8.0	104.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	123,000	6.96%	11.62%	505,212	7.184	10,200	2.1	12.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	60,200	3.79%	2.03%	503,012	3.900	4,210	2.2	14.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	41,450	5.20%	2.98%	301,759	3.209	4,264	1.8	9.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,700	6.97%	-0.32%	217,548	3.099	3,577	1.3	8.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	35,500	5.34%	2.16%	275,727	3.010	4,455	1.6	8.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,600	5.95%	2.99%	218,976	2.663	3,024	1.3	9.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	28,000	4.48%	3.13%	214,913	1.967	2,013	1.7	13.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	79,100	6.89%	5.05%	134,747	1.898	5,515	3.7	14.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	66,000	6.97%	6.11%	124,424	1.773	3,150	2.1	21.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	26,600	3.91%	0.38%	214,263	1.711	3,325	1.6	8.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCX	51,300	6.88%	-0.14%	118,584	1.667	2,713	2.7	18.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	33,200	5.40%	2.15%	132,800	1.465	1,330	2.4	25.0	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HDB	26,350	4.98%	2.93%	131,889	1.343	3,501	1.8	7.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GAS	79,900	3.36%	-0.13%	192,795	1.326	4,730	2.9	16.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MBS	21,400	7.00%	8.82%	21,420	0.854	1,862	2.7	11.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	157,800	4.37%	-3.49%	31,560	0.784	9,851	6.2	16.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SHS	18,600	8.14%	6.29%	16,730	0.775	1,500	1.3	12.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
KSF	83,400	1.09%	0.72%	75,042	0.466	17,930	4.4	4.7	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HUT	16,800	4.35%	-0.59%	17,947	0.444	514	1.7	32.7	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
CEO	17,500	6.71%	4.79%	9,930	0.379	312	1.6	56.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
IDC	48,600	3.40%	-1.42%	18,444	0.357	5,090	2.9	9.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
NVB	11,000	2.80%	0.92%	21,171	0.338	0	1.6	186,807.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,200	2.14%	-4.98%	19,536	0.238	3,616	1.3	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VIF	16,500	6.45%	3.77%	5,775	0.212	933	1.2	17.7	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

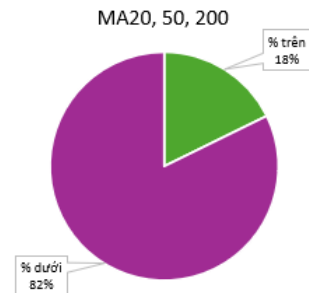
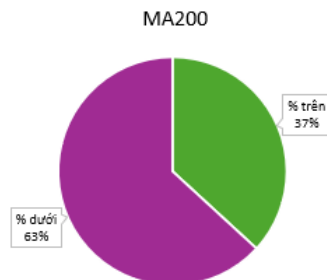
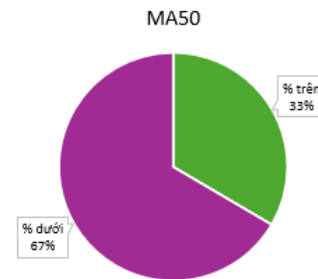
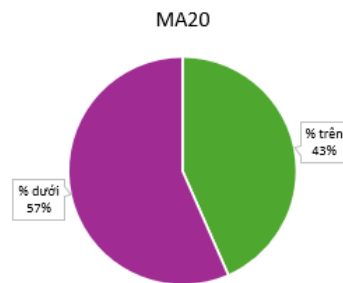
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	94,200	4.09%	-1.15%	284,803	0.699	3,056	7.0	30.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	46,900	3.08%	0.00%	166,775	0.308	3,019	2.4	15.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	84,500	6.42%	-2.99%	61,894	0.239	4,627	5.7	18.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	52,000	5.26%	0.19%	62,512	0.197	1,622	4.4	32.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DNH	37,100	-13.11%	-13.11%	15,671	-0.123	2,166	3.1	17.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	47,200	2.83%	-5.22%	51,575	0.088	10	4.2	4,565.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VSF	27,000	9.31%	-1.10%	13,530	0.076	57	5.9	476.2	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
IDP	265,000	6.00%	0.19%	16,378	0.059	2,836	5.0	93.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	33,600	1.20%	0.30%	44,418	0.032	5,380	1.7	6.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DHB	12,800	15.32%	3.23%	3,414	0.031	40	5.4	314.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCK	37,900	2.8%	418.1	258.2	26,688	37,000	3.2	23.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DXP	13,900	3.0%	18.3	9.5	7,501	13,700	0.9	6.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PTB	49,350	4.3%	22.7	8.5	40,725	57,900	1.2	6.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MZG	13,300	1.5%	23.3	9.2	6,280	18,900	1.0	12.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
OCB	11,600	6.4%	40.7	18.1	8,378	14,600	0.9	7.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	43,050	0.5%	25.8	10.4	38,487	51,316	1.6	9.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ORS	13,800	2.6%	106.0	48.6	7,240	16,600	1.1	39.2	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			08/04/2026	07/04/2026	06/04/2026	03/04/2026	02/04/2026	01/04/2026	31/03/2026	30/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	33%	27%	26%	29%	31%	31%	30%	31%
		Dưới	67%	73%	74%	71%	69%	69%	70%	69%
	MA50	Trên	34%	20%	19%	23%	26%	28%	27%	26%
		Dưới	66%	80%	81%	77%	74%	72%	73%	74%
	MA20	Trên	59%	30%	30%	40%	47%	53%	44%	39%
		Dưới	41%	70%	70%	60%	53%	47%	56%	61%
VN30	MA200	Trên	50%	30%	33%	33%	33%	43%	37%	37%
		Dưới	50%	70%	67%	67%	67%	57%	63%	63%
	MA50	Trên	43%	7%	7%	7%	10%	23%	0%	0%
		Dưới	57%	93%	93%	93%	90%	77%	100%	100%
	MA20	Trên	90%	33%	30%	47%	57%	67%	50%	33%
		Dưới	10%	67%	70%	53%	43%	33%	50%	67%
HNX	MA200	Trên	38%	35%	36%	38%	39%	40%	42%	40%
		Dưới	62%	65%	64%	62%	61%	60%	58%	60%
	MA50	Trên	40%	35%	32%	34%	35%	36%	36%	35%
		Dưới	60%	65%	68%	66%	65%	64%	64%	65%
	MA20	Trên	38%	35%	36%	38%	39%	40%	42%	40%
		Dưới	62%	65%	64%	62%	61%	60%	58%	60%
UPCOM	MA200	Trên	35%	30%	32%	34%	34%	36%	34%	35%
		Dưới	65%	70%	68%	66%	66%	64%	66%	65%
	MA50	Trên	32%	31%	32%	33%	34%	33%	33%	33%
		Dưới	68%	69%	68%	67%	66%	67%	67%	67%
	MA20	Trên	38%	37%	38%	37%	38%	39%	39%	38%
		Dưới	62%	63%	62%	63%	62%	61%	61%	62%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 4										Tháng 3									
		08 +	07	06	05	02	01	31	30	27	26	25	24	23	20	19	18	17	16	13	12
1	Y tế	69	72	64	67	70	69	67	69	66	65	66	65	64	65	66	62	63	60	60	73
2	Bất động sản	57	47	48	51	53	50	47	48	39	37	34	28	27	31	31	32	32	30	28	22
3	Bán lẻ	55	47	48	50	53	57	54	53	53	50	45	40	39	43	44	44	44	48	50	51
4	Bảo hiểm	55	51	58	63	61	59	57	57	51	52	48	41	35	34	31	32	31	30	31	31
5	Điện, nước & xăng d...	54	49	51	52	55	58	59	61	66	67	65	61	62	64	63	62	62	63	64	62
6	Tài nguyên Cơ bản	52	45	45	47	48	48	50	50	46	46	45	45	48	50	51	49	50	51	55	54
7	Xây dựng và Vật liệu	52	43	45	48	52	54	52	50	49	47	42	37	38	42	39	40	42	45	41	37
8	Ngân hàng	50	36	36	35	39	41	37	35	32	32	31	26	28	33	36	37	35	34	35	35
9	Hàng & Dịch vụ Côn...	50	45	40	42	44	45	43	41	44	43	39	36	39	44	47	46	45	47	52	53
10	Thực phẩm và đồ uống...	50	40	40	36	39	38	38	37	34	33	31	30	30	34	36	38	38	38	38	37
11	Dịch vụ tài chính	49	37	34	41	44	39	34	34	34	32	28	27	29	30	33	36	36	36	39	42
12	Ô tô và phụ tùng	49	45	47	51	50	49	50	50	46	44	39	34	33	33	37	40	43	43	42	40
13	Du lịch và Giải trí	46	39	38	40	41	38	34	33	31	25	20	18	19	21	21	20	21	25	25	25
14	Hàng cá nhân & Gia ...	42	34	34	37	39	41	43	44	45	43	41	39	43	48	51	53	52	52	58	59
15	Dầu khí	40	38	41	43	44	46	48	49	53	53	52	50	54	60	66	61	63	67	75	80
16	Hóa chất	38	34	37	40	39	38	38	40	43	39	37	37	42	48	54	52	55	60	67	66
17	Công nghệ Thông tin	21	15	16	17	18	15	14	16	13	13	12	10	10	11	11	12	12	10	10	11

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	153,400	7.0%	8.8%	1,182,105	8.0	104.5	1,468	610.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	123,000	7.0%	11.6%	505,212	2.1	12.1	10,200	671.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	28,000	4.5%	3.1%	214,913	1.7	13.9	2,013	1,879.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LPB	47,500	-1.0%	12.0%	141,896	3.0	12.4	3,824	84.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	66,000	7.0%	6.1%	124,424	2.1	21.0	3,150	637.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCK	37,900	2.8%	8.3%	92,283	3.2	23.5	1,613	418.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	200,700	6.8%	-3.0%	73,456	9.2	22.5	8,918	202.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	83,500	4.5%	-0.4%	61,984	2.5	21.9	3,821	41.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	84,500	6.4%	-3.0%	61,894	5.7	18.1	4,627	42.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	15,750	6.8%	11.3%	35,193	0.8	17.8	884	468.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCI	29,000	6.6%	6.0%	33,281	1.9	22.1	1,311	573.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
HCM	25,400	4.7%	8.1%	27,431	1.9	17.5	1,454	761.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	14,900	2.1%	1.4%	20,761	1.2	5.7	2,621	12.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	48,600	3.4%	-1.4%	18,444	2.9	9.6	5,090	88.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
SIP	61,300	1.5%	-0.2%	14,842	2.9	11.2	5,464	22.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSE	24,250	5.4%	2.1%	10,385	2.4	31.5	770	11.3	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	25,400	3.3%	4.7%	9,509	1.8	27.8	915	200.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
ORS	13,800	2.6%	-0.7%	8,610	1.1	39.2	352	106.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
PHR	63,000	4.1%	1.3%	8,536	2.1	17.9	3,529	19.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
TOS	173,200	0.4%	0.2%	7,663	3.7	7.5	22,710	5.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BMI	15,850	1.0%	-7.8%	2,386	0.8	9.3	1,708	11.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
APG	5,350	5.9%	-7.8%	1,196	0.5	219.1	24	5.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCL	46,600	-5.2%	-22.2%	3,404	2.3	174.4	267	90.3	Tiêu cực	-6.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
KDC	48,800	2.1%	-0.8%	14,143	2.0	27.1	1,803	16.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LAS	16,700	1.2%	-1.2%	1,885	1.3	11.5	1,455	11.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	13,300	3.1%	-7.0%	1,862	1.1	12.5	1,064	31.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NRC	5,800	0.0%	-1.7%	537	0.5	60.9	95	7.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,200	2.1%	-5.0%	19,536	1.3	10.6	3,616	233.6	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
CRC	9,360	2.2%	-8.2%	999	1.2	12.4	755	23.1	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
VPX	29,150	3.7%	-0.3%	54,656	1.6	12.7	2,298	67.6	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SBT	21,950	0.5%	-1.6%	18,770	1.7	25.1	876	10.8	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HT1	15,100	3.4%	-1.9%	5,762	1.1	21.1	717	5.8	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	27,600	1.8%	0.4%	3,984	1.8	6.3	4,318	38.2	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AGG	12,750	3.2%	-1.9%	2,072	0.6	5.5	2,333	7.7	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	16,100	3.9%	-1.2%	1,843	0.7	11.8	1,362	18.3	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VOS	12,900	4.0%	0.8%	1,806	0.9	5.9	2,177	24.6	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HBC	5,100	2.0%	-3.8%	1,758	0.9	7.0	722	18.8	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	141,200	0.8%	-1.9%	182,778	10.1	25.6	5,515	28.3	Trung tính	-2.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	153,100	2.4%	-2.5%	26,073	6.3	32.8	4,667	105.8	Trung tính	-2.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHP	12,500	1.6%	0.0%	1,082	1.1	22.5	555	10.3	Trung tính	-2.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,700	0.00%	-2.49%	25,500	86.1%	357	1.1	38.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,150	4.60%	-1.32%	43,700	67.1%	936	1.6	27.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	55,700	2.77%	10.30%	91,200	63.7%	7,965	1.4	7.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	29,350	5.96%	-1.68%	45,800	56.0%	1,805	1.1	16.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,200	2.14%	-4.98%	58,100	52.1%	3,616	1.3	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SZC	28,650	3.62%	-1.72%	42,400	48.0%	1,916	1.6	15.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	79,100	6.89%	5.05%	116,600	47.4%	5,515	3.7	14.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	15,850	0.96%	-7.85%	23,100	45.7%	1,708	0.8	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVT	22,000	5.26%	1.15%	30,800	40.0%	2,208	1.2	10.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VGC	45,900	3.15%	-1.71%	64,100	39.7%	3,130	2.4	14.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	29,400	6.91%	5.38%	40,800	38.8%	1,965	2.3	15.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	23,000	4.55%	-0.86%	31,900	38.7%	334	1.5	68.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	39,200	6.96%	5.80%	54,000	37.8%	1,638	2.0	23.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VPB	27,600	5.95%	2.99%	38,000	37.7%	3,024	1.3	9.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	43,050	0.47%	0.00%	58,700	36.4%	4,506	1.6	9.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCB	30,700	6.97%	-0.32%	41,500	35.2%	3,577	1.3	8.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	34,000	3.03%	-1.45%	45,800	34.7%	3,342	1.2	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	24,100	3.88%	1.26%	32,000	32.8%	3,042	1.3	7.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	26,600	3.91%	0.38%	35,000	31.6%	3,325	1.6	8.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MSN	77,700	3.46%	1.04%	101,200	30.2%	2,710	3.2	28.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn